TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Lắm

Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 2001 (xin vắng mặt).

ĐKHKTT: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tương L, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tương L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày. Anh L thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vợ chồng không tôn trọng và nhường nhịn nhau, từ đó thường xuyên cự cãi, giận dỗi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài, gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị N về việc anh và chị N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Anh không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ, mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, anh muốn hàn gắn để xây dựng cuộc sống gia đình. Anh và chị N chỉ cự cãi 1 đến 2 lần chứ không thường xuyên như chị N trình bày, thời gian ly thân là ngày 24/8/2021 đến nay.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Tương L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị N yêu cầu được ly hôn với anh L do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh L không đồng ý ly hôn với chị N. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chị N, anh L không còn chung sống đã lâu nhưng anh L không có động thái để hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn, chị N và anh L không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Tương L.

- Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010205 ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý